

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 – 04
2. Báo cáo kiểm toán	05
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	06 – 07
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	08
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	09
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	10 – 24

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hàng hải Phú Mỹ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Hàng hải Phú Mỹ là loại hình công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003699, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 8 năm 2005, thay đổi lần thứ 06 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303921835 ngày 27 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ : 26.363.040.000 đồng.

2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : 06 đường số 05, KDC Nam Long, phường Tân Thuận Đông, quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : +84 (8) 34 121 123

Fax : +84 (8) 34 121 124

Mã số thuế : 0303921835

3. Ngành nghề hoạt động

- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ lai dắt tàu biển; Kinh doanh vận hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định, theo hợp đồng.
- Kinh doanh kho bãi, cảng biển;
- Mua bán phao cứu sinh, vật liệu xây dựng, dầu nhớt, vật liệu – thiết bị – phụ tùng phương tiện vận tải;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, đại lý vận tải đường biển, kiêm đếm hàng hóa, sửa chữa tàu biển tại cảng, vệ sinh tàu biển; Sửa chữa, đóng mới phương tiện vận tải thủy (trừ tái chế phế thải, chế biến gỗ và xi mạ điện);
- Sản xuất sơn, sản phẩm cơ khí (không sản xuất tại trụ sở). Phá dỡ tàu cũ (không hoạt động tại trụ sở);
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Kinh doanh vận tải thủy, nội địa qua biên giới Việt Nam;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng; Kinh doanh nhà;
- Dịch vụ khai thuế hải quan;
- Mua bán xe ô tô – xe gắn máy và phụ tùng.

4. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

4.1 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Nguyễn Văn Đức	Chủ tịch	Ngày 10 tháng 11 năm 2005
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa	Thành viên	Ngày 10 tháng 11 năm 2005
Ông Trần Quang Thạch	Thành viên	Ngày 10 tháng 11 năm 2005
Bà Triệu Thị Ánh	Thành viên	Ngày 10 tháng 11 năm 2005
Ông Vũ Văn Chước	Thành viên	Ngày 01 tháng 08 năm 2010

4.2 Ban Điều hành

Ban Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Nguyễn Văn Đức	Giám đốc	Ngày 10 tháng 11 năm 2005
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa	Phó Giám đốc	Ngày 10 tháng 11 năm 2005
Ông Lê Quốc Huân	Phó Giám đốc	Ngày 10 tháng 11 năm 2005
Ông Hoàng Mạnh Hà	Phó Giám đốc	Ngày 01 tháng 01 năm 2009
Bà Hoàng Thị Tuyết Minh	Kế toán trưởng	Ngày 10 tháng 11 năm 2005

5. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 24.

6. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **Vietvalues** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **Vietvalues** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

8. Xác nhận của Hội đồng quản trị

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty. Không một thành viên nào của Hội đồng quản trị hoặc Ban Giám đốc có bất cứ khoản lợi nào từ một hợp đồng được ký kết với các công ty hay các bên liên quan.

9. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm 2011 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2012

TM. Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN

HÀNG HẢI

PHÚ MỸ

QUẬN 7 - TP. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN VĂN ĐỨC

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số: 2142/12/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI PHÚ MỸ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm 2011 được lập ngày 26 tháng 03 năm 2012 (từ trang 06 đến trang 24) của Công ty Cổ phần Hàng hải Phú Mỹ (sau đây gọi tắt là "Công ty").

Việc lập và trình bày số liệu trên Báo cáo tài chính thuộc về Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là trình bày ý kiến của mình về Báo cáo tài chính dựa trên công việc kiểm toán.

Cơ sở kiểm toán

Chúng tôi thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và tiến hành công việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hàng hải Phú Mỹ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Hàng hải Phú Mỹ. Các báo cáo này đã được lập phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2012.

Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **Vietvalues®**



Ths. Nguyễn Thanh Sang – Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: 08518/KTV

Uuuu

Huỳnh Trúc Lâm - Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 1523/KTV

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **Vietvalues**

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI PHÚ MỸ

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		10.434.215.860	12.026.829.549
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5.1	798.109.021	730.645.738
111	1. Tiền		798.109.021	730.645.738
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.140.050.878	7.474.778.714
131	1. Phải thu của khách hàng	5.2	7.926.381.316	7.333.030.972
132	2. Trả trước cho người bán	5.3	141.482.620	69.560.800
138	3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		72.186.942	72.186.942
139	4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	5.4	342.615.614	924.301.131
141	1. Hàng tồn kho		342.615.614	924.301.131
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.153.440.347	2.897.103.966
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		392.974.092	645.536.216
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	436.898.181
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	5.5	760.466.255	1.814.669.569
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		47.620.128.853	54.877.934.140
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		33.857.561.570	41.156.390.206
221	1. Tài sản cố định hữu hình	5.6	20.106.376.797	21.811.878.723
222	- Nguyên giá		50.050.664.524	39.883.365.844
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(29.944.287.727)	(18.071.487.121)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	5.7	9.379.490.067	16.053.748.524
225	- Nguyên giá		10.942.738.411	21.085.765.273
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.563.248.344)	(5.032.016.749)
227	3. Tài sản cố định vô hình	5.8	3.156.898.692	3.156.898.692
228	- Nguyên giá		3.156.898.692	3.156.898.692
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.9	1.214.796.014	133.864.267
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		12.435.400.000	12.090.400.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác	5.10	12.435.400.000	12.090.400.000
259	4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.327.167.283	1.631.143.934
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	5.11	846.542.283	646.218.934
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác	5.12	480.625.000	984.925.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		58.054.344.713	66.904.763.689

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI PHÚ MỸ

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tai ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		30.228.898.841	36.371.751.327
310	I. Nợ ngắn hạn		20.199.927.141	18.203.736.327
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	5.13	12.214.360.800	12.503.882.400
312	2. Phải trả người bán	5.14	3.315.449.649	2.502.592.939
313	3. Người mua trả tiền trước		-	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.15	1.984.330.642	1.510.740.174
315	5. Phải trả người lao động		198.193.571	-
316	6. Chi phí phải trả		-	152.408.042
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.16	1.992.305.626	1.038.825.919
320	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		495.286.853	495.286.853
330	II. Nợ dài hạn		10.028.971.700	18.168.015.000
334	1. Vay và nợ dài hạn	5.17	10.028.971.700	18.168.015.000
335	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	-
337	4. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		27.825.445.872	30.533.012.362
410	I. Vốn chủ sở hữu	5.18	27.825.445.872	30.533.012.362
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		26.363.040.000	26.363.040.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
417	5. Quỹ đầu tư phát triển		510.721.574	510.721.574
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		495.685.938	255.360.787
419	7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		455.998.360	3.403.890.001
421	9. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
432	1. Nguồn kinh phí		-	-
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		58.054.344.713	66.904.763.689

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)			100,28
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-

Kế toán trưởng

HOÀNG THỊ TUYẾT MINH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2011



NGUYỄN VĂN ĐỨC

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI PHÚ MỸ

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			3	4
1	2			
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.1	64.375.084.632	62.749.511.449
03	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		64.375.084.632	62.749.511.449
11	4. Giá vốn hàng bán	6.2	51.740.746.216	51.714.948.867
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		12.634.338.416	11.034.562.582
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.3	692.414.822	955.299.575
22	7. Chi phí tài chính	6.4	5.092.512.420	1.395.033.379
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		5.084.707.415	1.320.705.516
24	8. Chi phí bán hàng		-	24.707.165
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.5	7.772.742.514	5.753.128.964
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		461.498.304	4.816.992.649
31	11. Thu nhập khác		-	277.310.264
32	12. Chi phí khác		5.500.000	443.874.511
40	13. Lợi nhuận khác		(5.500.000)	(166.564.247)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		455.998.304	4.650.428.402
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.6	-	1.120.726.375
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		455.998.304	3.529.702.027
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.7	173	1.339

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26/03/2012

Kế toán trưởng

HOÀNG THỊ TUYẾT MINH



NGUYỄN VĂN ĐỨC

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI PHÚ MỸ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LUƯ CHUYỀN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	
1	2	3	4	5	
01	I. LUƯ CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế		455.998.304	4.650.428.402		
2. Điều chỉnh các khoản		12.913.739.616	6.647.753.009		
- Khấu hao tài sản cố định		8.404.032.201	6.165.188.081		
- Các khoản dự phòng		-	-		
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(575.000.000)	(838.140.588)		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		5.084.707.415	1.320.705.516		
- Chi phí lãi vay		13.369.737.920	11.298.181.411		
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		388.931.150	(2.244.878.388)		
- Tăng, giảm các khoản phải thu		581.685.517	(105.908.577)		
- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.760.106.205	(392.330.411)		
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(52.238.775)	(890.983.906)		
- Tăng, giảm chi phí trả trước		(5.237.115.457)	(1.185.912.674)		
- Tiền lãi vay đã trả		(321.985.749)	(1.619.293.587)		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		986.526.924	-		
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	(606.437.026)		
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		12.475.647.735	4.252.436.842		
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
II. LUƯ CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.503.088.666)	(7.761.784.130)		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	218.000.000		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(345.000.000)	(10.260.000.000)		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	581.188.000		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		682.033.914	460.000.000		
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư				
III. LUƯ CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		21.640.285.110	28.043.779.740		
4. Tiền trả nợ gốc vay		(26.379.625.110)	(13.388.989.740)		
5. Tiền trả nợ thuê tài chính		(3.339.224.900)	(1.994.043.600)		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.163.564.800)	-		
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư tài chính				
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)				
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		67.463.283	150.587.112	
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		730.645.738	580.058.626	
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5.1	798.109.021	730.645.738	

Kế toán trưởng

HOÀNG THỊ TUYẾT MINH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2011



NGUYỄN VĂN ĐỨC

CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Hàng hải Phú Mỹ.

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ lai dắt tàu biển. Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định, theo hợp đồng. Kinh doanh kho bãi, cảng biển;
- Mua bán phao cứu sinh, vật liệu xây dựng, dầu nhớt, vật liệu – thiết bị – phụ tùng phương tiện vận tải;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, đại lý vận tải đường biển, kiêm đếm hàng hóa, sửa chữa tàu biển tại cảng, vệ sinh tàu biển. Sửa chữa, đóng mới phương tiện vận tải thủy (trừ tái chế phế thải, chế biến gỗ và xi mạ điện);
- Sản xuất sơn, sản phẩm cơ khí (không sản xuất tại trụ sở). Phá dỡ tàu cũ (không hoạt động tại trụ sở);
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Kinh doanh vận tải thủy, nội địa qua biên giới Việt Nam;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng. Kinh doanh nhà;
- Dịch vụ khai thuế hải quan;
- Mua bán xe ô tô – xe gắn máy và phụ tùng.

2 NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ).

3 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006; và các thông tư, hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

3.2 Cam kết kế toán

Chúng tôi, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng hải Phú Mỹ cam kết tuân thủ đúng Luật kế toán, Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong hệ thống kế toán và báo cáo kế toán do Nhà nước Việt Nam quy định.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: căn cứ vào các chứng khoán ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo.
- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào cuối kỳ kế toán các số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ được điều chỉnh lại theo tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng.

4.2 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: theo nguyên tắc giá gốc;
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: theo phương pháp nhập trước xuất trước;
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: vào thời điểm khóa sổ Công ty tổ chức đánh giá lại hàng tồn kho và trích lập trên cơ sở chênh lệch lớn hơn của giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

4.3 Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

▪ Nguyên tắc đánh giá:

Tài sản cố định được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định và những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi/(lỗ) nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

▪ Phương pháp khấu hao áp dụng:

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI PHÚ MỸ

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

▪ Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

+ Nhà cửa vật kiến trúc	10 năm
+ Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
+ Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 năm
+ Tài sản cố định thuê tài chính	07 năm

4.4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.

4.5 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.
- Chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai cho việc sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay được xác định một cách đáng tin cậy.

4.6 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Chi phí trả trước: chủ yếu là những chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng, nhà xưởng, được phân bổ dần vào chi phí kết quả kinh doanh trong kỳ, và thời gian phân bổ căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.
- Phương pháp phân bổ: Theo phương pháp đường thẳng.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu là các khoản doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy.

4.8 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

- Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận là giá trị được ước tính hợp lý về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Phương pháp ghi nhận: Khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả lập năm nay so với dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

4.9 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: là số vốn thực góp của chủ sở hữu;
- Thặng dư vốn cổ phần: là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ;
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI PHÚ MỸ

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.10 Doanh thu và chi phí

- Doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Đã chuyển giao phần lớn rõ ràng và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành;
 - Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.
- Doanh thu tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn:
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận phù hợp với doanh thu và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

4.11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không có bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không có bù trừ.

4.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Việt Nam:

- Thuế giá trị gia tăng: Theo phương pháp khấu trừ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% (hai mươi lăm phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI PHÚ MỸ

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

5 THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Mã số	Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
5.1.1	Tiền mặt	61.399.000	38.804.624
5.1.2	Tiền gửi ngân hàng	736.710.021	691.841.114
	Tổng cộng	798.109.021	730.645.738

5.1.2 Tiền gửi ngân hàng

Số thứ tự	Ngân hàng	Số cuối năm		Số đầu năm	
		USD	Tương đương VNĐ	USD	Tương đương VNĐ
1	Ngân hàng TMCP An Bình - PGD Ông Tạ	-	731.957.170		306.094.742
1	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – CN Sài Gòn	-	1.355.032	-	3.903.488
2	Ngân hàng TMCP Đông Á –CN Phú Mỹ Hưng 000-24437-0001 000-24437-0006 000-24437-0007	- - -	- 919.449 -	- - 100.28	351.555.525 1.808.338 1.786.500
3	Công ty CP Chứng khoán Đông Á	-	1.188.000	-	1.188.000
4	Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Đô thành	-	1.290.370		25.504.521
	Cộng	-	736.710.021	100.28	691.841.114

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI PHÚ MỸ
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.2 Phải thu của khách hàng

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty cổ phần đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng	2.856.490.182	2.997.780.956
- Công ty cổ phần vận tải Tân Cảng số 2	1.826.828.735	1.336.932.000
- Tổng Công ty lương thực Miền Nam	1.269.987.840	
- Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Đại Tân Á	375.000.000	228.000.000
- Các khách hàng khác	1.598.074.559	2.770.318.016
Cộng	7.926.381.316	7.333.030.972

5.3 Trả trước cho người bán

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	88.268.020	-
- Các công ty khác	53.214.600	69.560.800
Cộng	141.482.620	69.560.800

5.4 Hàng tồn kho

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
5.4.1	Nguyên liệu, vật liệu	342.615.614	924.301.131
5.4.2	Công cụ dụng cụ	-	-
5.4.4	Hàng hóa	-	-
5.4.5	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho		342.615.614	924.301.131

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

Là tiền tạm ứng cho nhân viên để mua vật tư, nhiên liệu và các chi phí khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI PHÚ MỸ

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Dụng cụ, thiết bị quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	14.190.260.720	24.290.812.750	1.402.292.374	39.883.365.844
2. Tăng trong năm		10.143.026.862	24.271.818	10.167.298.680
3. Giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	14.190.260.720	34.433.839.612	1.426.564.192	50.050.664.524
II. Giá trị hao mòn				
1. Số dư đầu năm	2.540.916.616	15.148.383.124	382.187.381	18.071.487.121
2. Tăng trong năm	1.419.026.072	10.050.331.722	403.442.812	11.872.800.606
3. Giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	3.959.942.688	25.198.714.846	785.630.193	29.944.287.727
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	11.649.344.104	9.142.429.626	1.020.104.993	21.811.878.723
2. Tại ngày cuối năm	10.230.318.032	9.235.124.766	640.933.999	20.106.376.797

Trong đó: Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 702.206.282 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI PHÚ MỸ

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.7 Tài sản cố định thuê tài chính

Là giá trị thuê tài chính 01 chiếc chụp container hiệu Kalmar số QC 4240; 01 chiếc chụp container hiệu Kalmar số QC 2740 và 06 xe đầu kéo container trong năm đã hết hạn hợp đồng thuê tài chính, phát sinh giảm chuyển sang tài sản cố định hữu hình.

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	21.085.765.273	21.085.765.273
2. Tăng trong năm		
- <i>Tăng do thuê mới</i>	-	-
3. Giảm trong năm	10.143.026.862	10.143.026.862
4. Số cuối năm	10.942.738.411	10.942.738.411
II. Giá trị hao mòn		
1. Đầu năm	5.032.016.749	5.032.016.749
2. Tăng trong năm	3.012.252.181	3.012.252.181
- <i>Khấu hao trong năm</i>	3.012.252.181	3.012.252.181
3. Giảm trong năm	6.481.020.586	6.481.020.586
4. Số cuối năm	1.563.248.344	1.563.248.344
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	16.053.748.524	16.053.748.524
2. Tại ngày cuối năm	9.379.490.067	9.379.490.067

5.8 Tài sản cố định vô hình

Là giá trị sử dụng đất tòa nhà văn phòng tại số 6 đường số 5 KDC Nam Long, phường Tân Thuận Đông, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí sửa chữa lớn xà lan

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI PHÚ MỸ
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
5.10.1	Đầu tư vào công ty con	-	-
5.10.2	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-
5.10.3	Đầu tư dài hạn khác	12.435.400.000	12.090.400.000
a)	<i>Đầu tư chứng khoán dài hạn</i>	-	-
b)	<i>Cho vay dài hạn</i>	-	-
c)	<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	12.435.400.000	12.090.400.000
5.10.4	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn		12.435.400.000	12.090.400.000

5.10.3 Đầu tư dài hạn khác

Là các khoản đầu tư cổ phiếu của các công ty. Chi tiết số dư cuối năm gồm :

	Số lượng	Mệnh giá (đồng/cp)	Giá sổ sách (đồng/cp)	Số tiền
- Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	684.000	10.000	15.000	10.260.000.000
- Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long	230.000	10.000	7.783	1.790.000.000
- Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình	202	200.000	200.000	40.400.000
- Công ty Cổ phần Vận Tải Minh Long	34.500	10.000	10.000	345.000.000
Công	914.202			12.435.400.000

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ, thời gian phân bổ trên 12 tháng (chủ yếu là các chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định).

5.12 Tài sản dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ thuê xe tài chính cho Công ty TNHH Một thành viên Cho Thuê Tài Chính – Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI PHÚ MỸ
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.13 Vay và nợ ngắn hạn

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
5.13.1	Vay ngắn hạn	9.840.900.000	8.920.240.000
5.13.2	Nợ dài hạn đến hạn trả	2.373.460.800	3.583.642.400
	Tổng cộng	12.214.360.800	12.503.882.400

5.13.1 Vay ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình – PDG Ông Tạ (*)	4.980.900.000	-
- Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP An Bình – PGD Ông Tạ	1.860.000.000	1.860.000.000
- Ông Vũ Văn Chước	3.000.000.000	-
- Ông Trần Quang Thạch	-	1.872.500.000
- Vay ngân hàng Đông Á – CN Quận 7	-	1.980.000.000
- Các cá nhân khác	-	3.207.740.000
Cộng	9.840.900.000	8.920.240.000

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP An Bình – PDG Ông Tạ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp tài sản riêng của bà Nguyễn Thị Minh Trang.

5.13.2 Nợ dài hạn đến hạn trả

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Một thành viên Cho Thuê Tài Chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	2.373.460.800	3.583.642.400
Cộng	2.373.460.800	3.583.642.400

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI PHÚ MỸ
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.14 Phải trả cho người bán

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa phương tiện thủy Cần Thơ	866.051.570	-
- Công ty TNH Sông Thương	564.051.250	564.051.250
- Công ty Cổ phần Vò xe DANA	429.818.009	-
- Công ty Cổ phần XD Vận tải Tân Hàm Rồng	327.024.501	352.047.600
- Khác	1.128.504.319	1.586.494.089
Cộng	3.315.449.649	2.502.592.939

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

STT	Chỉ tiêu	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
1.	Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	912.075.797	3.804.988.391	2.977.709.962	1.739.354.226
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	445.330.195	-	321.985.749	123.344.446
3.	Thuế thu nhập cá nhân	153.334.182	327.591.078	359.293.290	121.631.970
4.	Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Tổng cộng		1.510.740.174	4.135.579.469	3.661.989.001	1.984.330.642

5.16 Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Là số tiền Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế còn phải nộp.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI PHÚ MỸ

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.17 Vay và nợ dài hạn

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Công ty TNHH Một thành viên Cho Thuê Tài Chính – Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	4.746.921.700	7.225.965.000
1.1 Hợp đồng thuê tài chính 6 xe đầu kéo	-	105.582.500
1.2 Hợp đồng thuê tài chính xe chụp Kalmar	4.746.921.700	7.120.382.500
2. Vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình – PGD Ông Tạ (*)	5.282.050.000	7.142.050.000
3. Vay ông Vũ Văn Chước	-	3.800.000.000
Cộng	10.028.971.700	18.168.015.000

(*) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình để góp vốn thành lập Công ty cổ phần IDC Tân Cảng Cái Mép và mua cổ phần của Công ty cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ quyền đối với vốn góp vào Công ty cổ phần IDC Tân Cảng Cái Mép và bảo lãnh thế chấp bằng tài sản riêng của Ông Nguyễn Văn Đức (Chủ tịch Hội đồng quản trị).

5.18 Tình hình tăng giảm Nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	23.966.400.000	310.721.574	155.360.787	2.915.239.903	27.347.722.264
Tăng trong năm trước	2.396.640.000	200.000.000	100.000.000	3.529.702.027	6.226.342.027
Giảm trong năm trước	-	-	-	3.041.051.929	3.041.051.929
Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	26.363.040.000	510.721.574	255.360.787	3.403.890.001	30.533.012.362
Tăng trong năm	-	-	240.325.151	455.998.304	696.323.455
Giảm trong năm	-	-	-	3.403.889.945	3.403.889.945
Số dư cuối năm	26.363.040.000	510.721.574	495.685.938	455.998.360	27.825.445.872

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI PHÚ MỸ

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.636.040	2.636.040
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.636.040	2.636.040
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	<i>2.636.040</i>	<i>2.636.040</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.636.040	2.636.040
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	<i>2.636.040</i>	<i>2.636.040</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ	64.375.084.632	51.616.103.954
- Doanh thu bán hàng hóa	-	11.133.407.495
Cộng	64.375.084.632	62.749.511.449

6.2 Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hoạt động cung cấp dịch vụ	51.740.746.216	40.660.732.618
- Giá vốn hàng hóa	-	11.054.216.249
Cộng	51.740.746.216	51.714.948.867

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI PHÚ MỸ
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức nhận được	575.000.000	460.000.000
- Lãi tiền gửi ngân hàng	117.414.822	64.061.575
- Lãi thanh lý các khoản đầu tư	-	431.238.000
Cộng	692.414.822	955.299.575

6.4 Chi phí tài chính

Chủ yếu là chi phí lãi vay.

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	3.510.168.881	2.279.098.841
- Chi phí đồ dùng văn phòng	-	29.063.480
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.228.670.703	590.060.045
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.585.283.400	2.278.047.507
- Chi phí khác bằng tiền	448.619.530	576.859.091
Cộng	7.772.742.514	5.753.128.964

6.6 Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Số liệu năm nay như sau:

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1)	455.998.304
- Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	(2)	5.500.000
+ Chi phí lãi chậm nộp BHXH, BHYT		
+ Chi phí không hợp lý		5.500.000
- Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	(3)	575.000.000
+ Cổ tức được chia		575.000.000
- Chênh lệch điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận trước thuế TNDN	[(4) = (2)-(3)]	(569.500.000)
- Tổng lợi nhuận chịu thuế thu nhập hiện hành	[(5) = (1)+(4)]	(113.501.696)
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		25%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	[(6) = (5)x25%]	-
Tổng chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI PHÚ MỸ
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	455.998.304	3.529.702.027
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông :	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	455.998.304	3.529.702.027
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.636.304	2.636.304
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	173	1.339

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2012.

Kế toán trưởng



HOÀNG THỊ TUYẾT MINH



NGUYỄN VĂN ĐỨC